

BÁO CÁO
kết quả thi hành Điều lệ Đảng

Thực hiện Công văn số 4819-CV/BTCTW, ngày 13/3/2023 của Ban Tổ chức Trung ương về việc báo cáo kết quả thi hành Điều lệ Đảng từ năm 2011 đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai báo cáo kết quả triển khai, thực hiện như sau:

I. KẾT QUẢ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Khái quát về đặc điểm, tình hình

Đảng bộ tỉnh Đồng Nai hiện có 16 đảng bộ trực thuộc (gồm 11 đảng bộ huyện, thành phố, 02 đảng bộ khối, 02 đảng bộ lực lượng vũ trang và 01 đảng bộ tổng công ty nhà nước). Tính đến ngày 30/6/2023, toàn Đảng bộ tỉnh có 714 tổ chức cơ sở đảng, (trong đó có 355 chi bộ và 359 đảng bộ, trong 359 đảng bộ có 3.387 chi bộ trực thuộc) với 87.398 đảng viên. Từ năm 2011 đến nay, các đảng bộ trực thuộc tỉnh đã kết nạp được 46.069 đảng viên.

2. Công tác phổ biến, nghiên cứu, quán triệt Điều lệ, quy định và hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng: Đánh giá những mặt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Hàng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai luôn quan tâm, chú trọng công tác kiểm tra kết quả việc thi hành Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng. Xem đây là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng; là cơ sở để đánh giá, phân loại tổ chức đảng, đảng viên. Qua kiểm tra, cơ bản các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên đã thực hiện nghiêm túc Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng.

Tiếp thu Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng, Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, Hướng dẫn 01-HD/TW ngày 28/9/2021 của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng. Ngày 20/10/2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai, quán triệt đến toàn thể cán bộ chủ chốt của tỉnh (có trên 250 đại biểu tham dự); tại các điểm cầu cùng tham dự có các đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; ban thường vụ các cấp ủy trực thuộc tỉnh; trưởng, phó các cơ quan, đơn vị; cấp ủy các chi, đảng bộ cơ sở.

Sau hội nghị trực tuyến đã cấp, phát 5.016 cuốn tài liệu đến các đồng chí cấp ủy viên trực thuộc và 100% chi bộ, đảng bộ cơ sở; đồng thời, chỉ đạo cấp ủy, tổ chức Đảng trực thuộc tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai, quán triệt nghiêm túc đến cán bộ chủ chốt cấp huyện, tổ chức đảng cấp dưới, đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra và toàn thể đảng viên trong đảng bộ.

Qua triển khai, quán triệt, hầu hết đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh, nhất là đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức, kiểm tra từ tỉnh đến cơ sở đã nắm được những nội dung cơ bản của Điều lệ Đảng, các quy định, quyết định và hướng dẫn của Trung ương; 100% tổ chức cơ sở đảng và 99,3% đảng viên được học tập; mỗi chi bộ, đảng viên đều được trang bị Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương về thực hiện Điều lệ Đảng.

Bên cạnh đó, công tác bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, kiểm tra, giám sát được Ban Thường vụ Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ theo định kỳ; kết quả đã bồi dưỡng cho 13.719/13.912 cấp ủy viên cơ sở (tỷ lệ 98,6%) theo nội dung, chương trình của Ban Tuyên giáo Trung ương quy định.

3. Việc cụ thể hóa Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các ban đảng Trung ương đã cụ thể hóa thành các quy định, quyết định, hướng dẫn để thi hành Điều lệ Đảng⁽¹⁾. Đến Đại hội Đảng lần thứ XII, XIII đã kịp thời sửa đổi, bổ sung để phù hợp, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới⁽²⁾; các văn bản cụ thể hóa của Trung ương được ban hành tương đối đầy đủ, toàn diện, có tính liên thông, đồng bộ, phù hợp và sát với yêu cầu, nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng, giải quyết được cơ bản những vướng mắc trong quá trình thực hiện ở cơ sở.

Thực hiện Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã cụ thể hóa thành các văn bản phù hợp với tình hình, điều kiện của địa phương để lãnh đạo, chỉ đạo đối với hệ thống chính trị, cụ

¹ Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01/11/2011 về thi hành Điều lệ Đảng, Quyết định số 46-QĐ/TW ngày 01/11/2011 “Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khóa XI”; Quy định số 47-QĐ/TW ngày 01/11/2011 “về những điều đảng viên không được làm”. Bộ Chính trị ban hành các văn bản: Quyết định số 68-QĐ/TW ngày 21/3/2012 “về ban hành Quy chế giám sát trong Đảng”; Quyết định số 181-QĐ/TW ngày 30/3/2013 “về ban hành quy định về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm”. Ban Bí thư đã ban hành Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 05/01/2012 về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng...

² Quy định số 29-QĐ/TW ngày 25/7/2016, Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 về thi hành Điều lệ Đảng, Quyết định số 30-QĐ/TW ngày 26/7/2016, Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Quy định số 47-QĐ/TW ngày 01/11/2011, Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 về những điều đảng viên không được làm. Bộ Chính trị ban hành các văn bản: Quyết định số 68-QĐ/TW ngày 01/6/2017 về ban hành Quy chế giám sát trong Đảng; Quyết định số 102-QĐ/TW ngày 15/11/2017 về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm; Quy định số 07-QĐ/TW ngày 28/8/2018, Quy định 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm; Ban Bí thư ban hành Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 20/9/2016, Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 28/9/2021 về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng; các ban đảng Trung ương ban hành các văn bản: Hướng dẫn số 09-HD/BTCTW, Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW về nghiệp vụ công tác đảng viên; Hướng dẫn số 04-HD/UBKTTU ngày 22/3/2018 về thực hiện một số Điều trong Quy định 102-QĐ/TW của Bộ Chính trị...

thể: ban hành Quy chế làm việc của Tỉnh ủy (có sửa đổi, bổ sung)⁽³⁾; các quy định: về phân cấp quản lý cán bộ⁽⁴⁾; về đánh giá cán bộ⁽⁵⁾; về tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, quản lý; về bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử⁽⁶⁾; về luân chuyển cán bộ⁽⁷⁾; quy chế làm việc của Ban chỉ đạo quản lý tổ chức biên chế trong hệ thống chính trị⁽⁸⁾; về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của đảng đoàn, ban cán sự đảng⁽⁹⁾; về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy⁽¹⁰⁾; quyết định về ban hành tiêu chí đánh giá các đảng bộ trực thuộc tỉnh⁽¹¹⁾ và về mức chi khen thưởng đối với tổ chức đảng, đảng viên⁽¹²⁾.

Tuy nhiên, các quy định, hướng dẫn của Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng có sự điều chỉnh, bổ sung qua Đại hội, trong khi Điều lệ Đảng không thay đổi dẫn đến việc xây dựng các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, địa phương có lúc gặp nhiều khó khăn. Việc xây dựng các văn bản cụ thể hóa của tỉnh có

³ Quyết định số 96-QĐ/TU, ngày 06/01/2015 về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2015-2020; Quyết định số 1111-QĐ/TU, ngày 09/4/2018 về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X (sửa đổi, bổ sung); Quy chế số 01-QC/TU, ngày 15/01/2020 về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2020-2025.

⁴ Quyết định số 465-QĐ/TU ngày 12/9/2013; Quy định số 14-QĐ/TU ngày 12/6/2018; Quy định số 22-QĐ/TU ngày 15/3/2023.

⁵ Quyết định số 07-QĐ/TU ngày 19/10/2015 về ban hành tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý; Quyết định số 222-QĐ/TU ngày 16/5/2016 về ban hành tiêu chí đánh giá cán bộ, lãnh đạo, quản lý (điều chỉnh, bổ sung); Quyết định số 1069-QĐ/TU ngày 28/02/2018 về ban hành tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý; Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

⁶ Quyết định số 1050-QĐ/TU ngày 30/01/2018 về tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, quản lý; Quy định số 11-QĐ/TU ngày 24/4/2018 về tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, quản lý; Quyết định số 92-QĐ/TU ngày 04/01/2016 về ban hành quy chế đánh giá cán bộ.

⁷ Quy định số 13-QĐi/TU ngày 26/4/2018 về luân chuyển cán bộ.

⁸ Quyết định số 1104-QĐ/TU ngày 04/4/2018 về ban hành Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo quản lý tổ chức biên chế trong hệ thống chính trị.

⁹ Quy định số 08-QĐi/TU ngày 30/7/2013 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của đảng đoàn, ban cán sự đảng ở tỉnh; Quy định số 15-QĐi/TU; Quy định số 09-QĐi/TU; Quy định số 24-QĐ/TU ngày 10/5/2023.

¹⁰ Quy định số 19-QĐi/TU ngày 06/12/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Dân vận Tỉnh ủy; Quy định số 20-QĐi/TU ngày 06/12/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Văn phòng Tỉnh ủy; Quy định số 21-QĐi/TU ngày 06/12/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Quy định số 22-QĐi/TU ngày 06/12/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Quy định số 23-QĐi/TU ngày 06/12/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Quy định số 24-QĐi/TU ngày 06/12/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Nội chính Tỉnh ủy.

¹¹ Quyết định số 302-QĐ/TU ngày 30/8/2016 về ban hành tiêu chí đánh giá các đảng bộ trực thuộc tỉnh trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hằng năm, nhiệm kỳ 2015-2020; Quyết định số 303-QĐ/TU ngày 30/8/2016 về ban hành tiêu chí đánh giá các đảng bộ có kinh tế phát triển trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hằng năm, nhiệm kỳ 2015-2020; Quyết định số 304-QĐ/TU ngày 30/8/2016 và ban hành tiêu chí đánh giá các đảng bộ có tỷ lệ nông nghiệp cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hằng năm, nhiệm kỳ 2015-2020; Quyết định số 311-QĐ/TU ngày 06/9/2016 về ban hành tiêu chí đánh giá và khen thưởng các ban đảng, Văn phòng Tỉnh ủy, các đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn (điều chỉnh, bổ sung); Quyết định số 891-QĐ/TU ban hành tiêu chí đánh giá các đảng bộ trực thuộc tỉnh trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hằng năm, nhiệm kỳ 2015-2020.

¹² Quyết định số 103-QĐ/TU ngày 14/01/2016, Quyết định số 827-QĐ/TU ngày 13/6/2017, Quy định số 18-QĐi/TU ngày 01/11/2018 về chế độ chi khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên.

nội dung còn chậm; đối với cấp huyện có mặt còn hạn chế, chất lượng chưa cao, nhất là trong việc xây dựng quy chế làm việc của cấp ủy.

4. Kết quả tổ chức thi hành Điều lệ Đảng

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc đã làm tốt công tác quán triệt trong cán bộ, đảng viên những nội dung nêu tại phần mở đầu về Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng. Từ đó, nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên về bản chất giai cấp của Đảng, mục đích của đảng, nền tảng tư tưởng của đảng; các nguyên tắc hoạt động của Đảng; những nội dung trong công tác xây dựng đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Qua học tập, quán triệt, Quy định, Hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng được các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nắm vững những nội dung cơ bản, nâng cao nhận thức về thi hành Điều lệ Đảng; bảo đảm thống nhất về nội dung, phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện từ tỉnh đến cơ sở. Những nội dung của Điều lệ Đảng, Quy định, Hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng, nhất là những điểm mới trong các văn bản này được cán bộ, đảng viên nắm vững, đáp ứng yêu cầu của công tác xây dựng Đảng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên.

Các Quy định, Hướng dẫn Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng được tập trung quán triệt, triển khai, thực hiện. Tuy nhiên, vẫn còn có một số hạn chế như: một số tổ chức đảng ở cơ sở, đội ngũ báo cáo viên chuyên sâu về công tác xây dựng Đảng còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm, dẫn tới lúng túng khi truyền đạt các văn bản, quy định của Trung ương, nhất là việc giải đáp vướng mắc trong thực tiễn cho cán bộ, đảng viên; một số cấp ủy, tổ chức đảng triển khai học tập, quán triệt Điều lệ Đảng và Quy định, Hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng chủ yếu là phổ biến theo văn bản, ít dành thời gian cho nghiên cứu, thảo luận để nắm vững những nội dung mới, quan trọng trong Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương. Việc kiểm tra nhận thức và tổ chức thi hành Điều lệ Đảng của một số cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên có lúc chưa thường xuyên nên vẫn còn một số trường hợp vi phạm Điều lệ Đảng (bỏ sinh hoạt đảng, không đóng đảng phí) phải xử lý kỷ luật.

4.1. Về đảng viên

4.1.1. Về tiêu chuẩn, điều kiện để xem xét kết nạp đảng viên

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy trực thuộc quan tâm tiêu chuẩn đảng viên ngay từ khâu kết nạp vào Đảng; thường xuyên thu hút vào tổ chức đảng những quần chúng ưu tú, đồng thời rà soát sàng lọc, đưa những đảng viên thoái hóa, biến chất không còn đủ tiêu chuẩn đảng viên ra khỏi Đảng; nhờ vậy đã xây dựng được đội ngũ đảng viên hầu hết luôn tuyệt đối trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, đại đa số đảng viên chấp hành nghiêm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống, giữ gìn đoàn kết

thống nhất trong Đảng, trong cơ quan, đơn vị, gắn bó mật thiết với nhân dân; có ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy tính tiên phong, gương mẫu của người đảng viên; thực hiện tốt các quy định về nêu gương của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị. Chất lượng và cơ cấu chuyển biến theo hướng tích cực, tỷ lệ đảng viên nữ, đảng viên trẻ, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn nghiệp vụ ngày càng được nâng lên⁽¹³⁾.

Tuy nhiên, vẫn còn một số cán bộ, đảng viên chấp hành chưa nghiêm các quy định của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước; vi phạm trong quản lý tài chính, quản lý đất đai, chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, phẩm chất đạo đức, lối sống... đến mức phải xử lý kỷ luật.

4.1.2. Về thực hiện nhiệm vụ và quyền của đảng viên

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp trong tỉnh thông qua các hội nghị, sinh hoạt đảng đã thông tin cho đảng viên về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tình hình thế giới, trong nước và địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho đảng viên thực hiện các quyền đảng viên. Đồng thời, các cấp ủy đã thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của đảng viên; việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị gắn với thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII, XIII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, Quy định số 101-QĐ/TW của Ban Bí thư “về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, chủ chốt các cấp”; Quy định số 76-QĐ/TW, Quy định số 213-QĐ/TW của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú. Nhờ đó, nhiệm vụ người đảng viên được tổ chức đảng cụ thể hóa, đảng viên nhận thức đầy đủ và chấp hành nghiêm túc. Qua kiểm điểm, đánh giá, xếp loại đảng viên hàng năm cho thấy, số lượng đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên tăng qua từng năm⁽¹⁴⁾.

Tuy nhiên, một số cấp ủy ở cơ sở chưa chủ động trong việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đảng viên. Trong thực hiện tự phê bình và phê bình nhiều đảng viên còn ngại va chạm, nể nang, né tránh, nhất là phê bình đối với cấp trên và cán bộ lãnh đạo quản lý.

4.1.3. Về thực hiện Quy định những điều đảng viên không được làm

¹³ Đảng viên có trình độ trung học cơ sở và trung học phổ thông: năm 2016 chiếm 96%; năm 2018 chiếm 96,6%; đảng viên có trình độ đại học: năm 2016 chiếm 31,8%; năm 2018 chiếm 34,4%; đảng viên có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên năm 2016 chiếm 22,5% , năm 2018, chiếm 22,6%, năm 2021 chiếm 26,6%, năm 2023 chiếm 26,8%.

¹⁴ Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: năm 2016: 59.746/64.43 đảng viên, tỷ lệ 92,71%; năm 2017: 63.174/67.743 đảng viên, tỷ lệ 93,25%; năm 2018: 66.316/70.575 đảng viên, tỷ lệ 94%, năm 2019: 69.406/73.727, tỷ lệ 94,13%; năm 2020: 71.258/75.801, tỷ lệ 94,13%; năm 2021: 75.423/78.877, tỷ lệ 95,62%; năm 2022: 75.464/79.044, tỷ lệ 95,47%.

Hầu hết cấp uỷ các cấp đã triển khai, thực hiện nghiêm túc Quy định số 47-QĐ/TW ngày 01/11/2011, Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương “về những điều đảng viên không được làm”. Nhìn chung đại đa số cán bộ và đảng viên đã chấp hành nghiêm túc quy định của Trung ương, có ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, phẩm chất của người đảng viên, góp phần xây dựng chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Tuy nhiên, vẫn còn một số cấp uỷ đảng và đảng viên nhận thức chưa đầy đủ trong việc thực hiện quy định về những điều đảng viên không được làm; chưa làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống nên tình trạng đảng viên vi phạm vẫn còn xảy ra.

4.1.4. Về quy trình, thủ tục, thẩm quyền kết nạp đảng viên

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh uỷ ban hành hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ kết nạp đảng viên và công nhận đảng viên chính thức⁽¹⁵⁾; hàng năm các cấp uỷ đã xây dựng kế hoạch, có biện pháp, lộ trình cụ thể, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của đảng bộ, chi bộ mình và thực hiện đúng tiêu chuẩn, phương châm, phương hướng; quy trình, thủ tục chặt chẽ nên số lượng quần chúng được kết nạp vào Đảng hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu nghị quyết đề ra, góp phần tăng nhanh số lượng tổ chức đảng ấp, khu phố có cấp uỷ⁽¹⁶⁾; chất lượng đảng viên kết nạp vào Đảng ngày càng được nâng lên⁽¹⁷⁾.

Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp kết nạp đảng viên không đúng thẩm quyền phải xem xét hủy bỏ quyết định kết nạp Đảng⁽¹⁸⁾.

4.1.5. Về vấn đề lịch sử chính trị và chính trị hiện nay của người vào Đảng

Thực hiện Quy định số 126-QĐ/TW ngày 28/02/2018, Quy định số 58-QĐ/TW ngày 8/2/2022 của Bộ Chính trị “một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng”, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ đạo các cấp uỷ trực thuộc thẩm định (*hoặc thẩm tra, xác minh*) và kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với tất cả người xin vào Đảng. Nhờ đó, công tác kết nạp đảng viên được chặt chẽ, đúng quy trình, thủ tục, đảm bảo tiêu chuẩn chính trị.

Tuy nhiên, quy định người xin vào Đảng phải được kết luận tiêu chuẩn chính trị trước khi cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kết nạp đã làm ảnh hưởng đến thời gian trong quy trình công tác kết nạp đảng viên.

4.1.6. Về kết nạp đảng viên trong một số trường hợp đặc biệt (người theo tôn giáo, chủ doanh nghiệp tư nhân...).

¹⁵ Hướng dẫn số 14-HD/BTCTU ngày 3/5/2018, Hướng dẫn số 15-HD/BTCTU ngày 22/10/2018, Hướng dẫn số 10-HD/BTCTU ngày 21/4/2023 về quy trình, thủ tục kết nạp quần chúng vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức.

¹⁶ Số lượng tổ chức đảng ấp, khu phố có cấp uỷ đầu nhiệm kỳ: 822 tổ chức (81,62%); đến tháng 9/2019: 940 tổ chức (97,8%); đến tháng 6/2023: 933 tổ chức (100%).

¹⁷ Tỷ lệ quần chúng được kết nạp vào Đảng có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trở lên năm 2016: 72,4%, năm 2017: 73,5%; năm 2022: 76,2%; Đảng viên trẻ (dưới 30 tuổi) đạt tỷ lệ từ 59,8% - 64,6%.

¹⁸ Từ 2011 đến tháng 6/2023 đã hủy quyết định kết nạp 32 trường hợp.

Việc kết nạp đảng viên trong một số trường hợp đặc biệt được các cấp ủy đảng xem xét thận trọng, khách quan, quy trình, thủ tục, thẩm quyền theo đúng các quy định, hướng dẫn của Ban Bí thư và Ban Tổ chức Trung ương, cụ thể:

- Từ năm 2011 đến năm tháng 6/2023 đã kết nạp 5.557 trường hợp là tín đồ theo các tôn giáo; 84 trường hợp vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình; 11 trường hợp vi phạm tiêu chuẩn chính trị. Công tác kết nạp đảng đối với các chủ doanh nghiệp tư nhân được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo, đến tháng 6/2023 đã kết nạp được 04 quần chúng là chủ doanh nghiệp vào Đảng¹⁹.

Tuy nhiên, một số cấp ủy đảng chưa làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác tôn giáo và kết nạp tín đồ tôn giáo vào Đảng, nhiều tín đồ tôn giáo chưa giác ngộ và có tâm lý ngại vào Đảng. Đa số doanh nghiệp tư nhân ở Đồng Nai có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, đối chiếu với tiêu chuẩn kết nạp không đảm bảo nên việc kết nạp các chủ doanh nghiệp tư nhân gặp khó khăn.

4.1.7. Về kết nạp lại người vào Đảng (điều kiện, thủ tục, thời gian dự bị...)

Việc kết nạp lại người vào Đảng được các cấp ủy tuân thủ đúng quy định của Trung ương. Trong giai đoạn 2011 – 6/2023, toàn Đảng bộ tỉnh đã kết nạp lại được 11 trường hợp, người được kết nạp lại vào Đảng đảm bảo tiêu chuẩn, nguyên tắc, quy trình, thủ tục theo quy định. Tất cả các trường hợp kết nạp lại đều được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Tuy nhiên, một số cấp ủy cấp huyện (tương đương), cấp ủy cơ sở nghiên cứu các quy định, hướng dẫn chưa đầy đủ nên có trường hợp đề nghị không đúng đối tượng xem xét kết nạp lại theo quy định.

4.1.8. Về thực hiện thủ tục chuyển sinh hoạt đảng và giải quyết đảng tịch

Các cấp ủy đảng đã thực hiện tương đối tốt việc chuyển sinh hoạt đảng, đảm bảo nguyên tắc, thủ tục theo quy định, hướng dẫn của Trung ương. Thông qua việc theo dõi phiếu báo đảng viên chuyển sinh hoạt, nhắc nhở xử lý kịp thời đảng viên chậm nộp hồ sơ chuyển sinh hoạt đảng. Giai đoạn 2011 – 6/2023, toàn tỉnh đã giới thiệu chuyển đi 13.599 lượt đảng viên và tiếp nhận chuyển đến 12.764 lượt đảng viên; giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng tạm thời đi cho 1.816 lượt và tiếp nhận chuyển đến 471 lượt. Việc chuyển sinh hoạt Đảng ra nước ngoài được thực hiện đúng theo các quy định, hướng dẫn của Trung ương.

Việc giải quyết đảng tịch đã được các cấp ủy đảng quán triệt, thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, khách quan, đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo quy định.

¹⁹ 01 chủ DNTN thuộc ĐB thành phố Long Khánh; 02 chủ công ty TNHH thuộc ĐB huyện Xuân Lộc và 01 chủ Công ty TNHH Thông Quan thuộc ĐB Khôi DN tỉnh.

Tuy nhiên, vẫn còn đảng viên chuyển sinh hoạt đến chưa đúng thủ tục, thời gian quy định; một số cấp ủy chưa thực hiện việc viết, gửi phiếu báo chuyển sinh hoạt đảng chính thức cho đảng viên.

4.1.9. Về công tác quản lý đảng viên

Đảng bộ tỉnh luôn xác định công tác giáo dục, rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất cách mạng cho đội ngũ đảng viên là việc làm quan trọng, thường xuyên. Thông qua các đợt sinh hoạt chính trị của chi bộ, đảng bộ, nhất là qua sinh hoạt chi bộ định kỳ đã đưa vào chương trình học những nội dung mang tính giáo dục nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị, tính chiến đấu của từng cán bộ, đảng viên. Các chi bộ đã coi trọng việc phân công công tác cho đảng viên, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên theo quy định tại Điều 2, Điều lệ Đảng.

Các cấp ủy đảng đã quan tâm, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện việc rà soát, sàng lọc, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng ngay từ khâu tạo nguồn, xét chọn cảm tình Đảng, thẩm định hồ sơ của người xin vào Đảng và xét công nhận đảng viên chính thức. Các tiêu chuẩn, điều kiện của người vào Đảng được rà soát, bảo đảm quy định; công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại đảng viên hằng năm thực hiện nghiêm túc, qua đó đã kịp thời phát hiện những đảng viên có dấu hiệu vi phạm để giám sát, kiểm tra và chấn chỉnh, xử lý kỷ luật.

Tuy nhiên, những đảng viên đi làm ăn xa, thường xuyên thay đổi nơi làm việc dẫn đến công tác quản lý gặp nhiều khó khăn, nhiều trường hợp đảng viên tự ý bỏ sinh hoạt đảng phải xóa tên hoặc đảng viên xin ra khỏi Đảng vì công việc không ổn định, không khắc phục được.

4.2. Về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng

4.2.1. Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của các cấp ủy, tổ chức đảng

Nguyên tắc tập trung dân chủ đã được chấp hành và thực hiện nghiêm túc. Ngay sau đại hội Đảng, Tỉnh ủy và các cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy trong tỉnh đã ban hành quy chế làm việc của cấp mình; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của tập thể cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy, bí thư, phó bí thư và cấp ủy viên đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và hầu hết tổ chức thực hiện nghiêm túc nhất là trong công tác cán bộ, đảng viên. Trong quá trình thực hiện, Tỉnh ủy đã có văn bản chỉ đạo các cơ quan trong hệ thống chính trị các cấp tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc của cấp mình theo đúng quy định. Đối với cấp xã, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xây dựng 02 đề tài nghiên cứu khoa học (1) Đề tài nghiên cứu khoa học về “*Nâng cao chất lượng lãnh đạo chính trị của tổ chức cơ*

sở đảng trong vùng có đông đồng bào theo đạo công giáo”²⁰; (2) Đề tài nghiên cứu khoa học “*Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy cơ sở đảng xã, phường, thị trấn, để có phương thức lãnh đạo phù hợp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành các quy định tạm thời về chức năng, nhiệm vụ đối với xã, phường, thị trấn*”⁽²¹⁾; đối với cấp huyện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các ban đảng Tỉnh ủy hướng dẫn quy chế khung để các cấp ủy cấp huyện nghiên cứu xây dựng quy chế của đảng bộ mình ⁽²²⁾.

Nhìn chung, các cấp ủy đảng nghiêm túc thực hiện các quy định, quy chế làm việc, chương trình công tác toàn khoá, giải quyết công việc theo đúng thẩm quyền, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nêu cao vai trò, trách nhiệm cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ được phân công, hạn chế tối đa sự độc đoán, gia trưởng, quyết định hoặc chỉ đạo những

²⁰ Các văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

- Quyết định số 707-QĐ/TU ngày 03/02/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quy định tạm thời chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ xã nơi có đông đồng bào theo đạo thiên chúa.
- Quyết định số 708-QĐ/TU ngày 03/02/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quy định tạm thời chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ xã nơi có đông đồng bào theo đạo thiên chúa.

²⁰ Văn bản của các ban đảng, Văn phòng Tỉnh ủy:

- Hướng dẫn số 27-HD/BTGTU; Hướng dẫn số 19/HD-BTG; Hướng dẫn số 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

²¹ - Hướng dẫn tạm thời số 03-HD/BDVTU ngày 10/5/2011 của Ban Dân vận Tỉnh ủy về xây dựng quy chế phối hợp giữa MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội trong việc triển khai, thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân của đảng ủy xã, phường, thị trấn.

- Hướng dẫn tạm thời số 04-HD/BTCTU ngày 04/4/2011 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về quy chế làm việc của đảng ủy xã, phường, thị trấn.

- Hướng dẫn tạm thời số 05-HD/BTCTU ngày 04/4/2011 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy xã, phường, thị trấn.

- Hướng dẫn tạm thời số 06-HD/BTCTU ngày 04/4/2011 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng cấp ủy viên cơ sở xã, phường, thị trấn.

- Hướng dẫn tạm thời số 07-HD/BTCTU ngày 04/4/2011 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về công tác phát triển đảng viên mới ở xã, phường, thị trấn.

- Hướng dẫn tạm thời số 08-HD/BTCTU ngày 04/4/2011 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về quản lý, phân công công tác cán bộ, đảng viên ở xã, phường, thị trấn.

- Hướng dẫn tạm thời số 09-HD/BTCTU ngày 04/4/2011 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo-bồi dưỡng cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn.

- Hướng dẫn tạm thời số 10-HD/BTCTU ngày 04/4/2011 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về phối hợp hoạt động giữa cấp ủy với hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, ủy ban mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội.

- Hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy về quy trình kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng của tổ chức đảng ở cơ sở.

- Hướng dẫn tạm thời số 11-HD/BTCTU ngày 04/4/2011 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về phát huy trí tuệ của tập thể trong quá trình chuẩn bị nghị quyết, ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết.

- Hướng dẫn tạm thời số 12-HD/BTCTU ngày 04/4/2011 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về phương pháp sơ, tổng kết và chế độ thông tin báo cáo.

- Hướng dẫn tạm thời số 05-HD/BTGTU ngày 08/12/2010 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về quy trình công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

²² Hướng dẫn Quy chế khung của ban chấp hành đảng bộ cấp huyện.

vấn đề không đúng thẩm quyền, các chủ trương, nghị quyết của cấp ủy ban hành đều đảm bảo có trên một nửa số cấp ủy viên biểu quyết tán thành. Trong sinh hoạt đảng, luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, tự phê bình và phê bình, chân thành, thẳng thắn, có tính xây dựng. Luôn thực hiện sự đổi mới trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn có tổ chức thực hiện chưa nghiêm; có nơi, còn biểu hiện đơn giản trong thực hiện nguyên tắc này; việc xác định thẩm quyền và trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong mối quan hệ làm việc với tập thể cấp ủy, lãnh đạo cơ quan có nơi chưa phát huy tốt, nhất là trên lĩnh vực quản lý, điều hành; chưa có quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện; thiếu quy chế làm việc mẫu để cấp ủy các cấp xây dựng; thiếu chế tài để xử lý đối với các tập thể, cá nhân được phân công, phân nhiệm.

4.2.2. Thực hiện nguyên tắc tự phê bình, phê bình trong sinh hoạt đảng, nhất là đợt tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII)

Thông qua công tác kiểm điểm, đánh giá xếp loại đối với tập thể và cá nhân hằng năm, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, cấp ủy viên các cấp và đảng viên trong toàn Đảng bộ đã tiến hành tự phê bình và phê bình gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” một cách nghiêm túc. Đặc biệt kể từ khi có nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII) về tăng cường chỉnh đốn, xây dựng Đảng, mỗi cá nhân đảng viên và tập thể cấp ủy các cấp đã nêu cao tinh thần, trách nhiệm thực hiện tốt hơn công tác tự phê bình và phê bình, cam kết trong việc tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu của cá nhân và thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị; tính tiên phong, gương mẫu của mỗi đảng viên được thể hiện rõ nét hơn. Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm đã tập trung chỉ đạo kiểm điểm, giám sát, kiểm tra làm rõ, thẳng thắn đấu tranh, xử lý nghiêm túc những tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm trong lãnh đạo, quản lý, trong thực hiện Điều lệ, Quy định của Đảng, nhất là những điều đảng viên không được làm, hoặc vi phạm phẩm chất đạo đức, lối sống, có biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*”. Đồng thời đề ra các biện pháp và phương hướng để khắc phục sửa chữa khuyết điểm.

Tuy nhiên, một số cấp ủy đảng thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình chưa nghiêm, có nơi còn mang tính hình thức; công tác kiểm tra việc khắc phục những tồn tại, hạn chế chưa thường xuyên; tình trạng nể nang, ngại va chạm trong việc phê bình còn tồn tại; việc phát hiện để ngăn chặn, phòng chống biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong cán bộ, đảng viên chưa kịp thời và còn khó khăn. Việc tham gia đóng góp ý kiến của cấp ủy cấp dưới trực tiếp, cơ quan chuyên môn chưa sâu, phần lớn là đồng ý với dự thảo báo cáo kiểm điểm.

4.2.3. Hệ thống tổ chức của Đảng; tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng

Toàn tỉnh hiện có 16 đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ, trong đó có 11 đảng bộ được tổ chức theo đơn vị hành chính cấp huyện; 02 đảng bộ trong lực lượng vũ trang; 02 đảng bộ khối các cơ quan tỉnh và khối doanh nghiệp tỉnh; 01 đảng bộ thuộc loại hành doanh nghiệp nhà nước. Có 714 tổ chức cơ sở đảng (có 170 tổ chức cơ sở đảng theo đơn vị hành chính lãnh thổ cấp xã và 544 tổ chức cơ sở đảng theo đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang trực thuộc huyện uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc tỉnh. Việc thành lập mới, giải thể, chuyển giao tổ chức đảng; kiện toàn bộ máy đảm bảo đúng theo quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của Trung ương.

Về cơ bản, hệ thống cơ quan đảng các cấp được tổ chức như hiện nay là phù hợp, các tổ chức đảng đã phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ theo các quy định của Trung ương, đảm bảo vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức đảng đối với địa phương, cơ quan, đơn vị; ngày càng được củng cố, kiện toàn và hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Việc quy định lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng, có đặc điểm khác nhau đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát triển tổ chức đảng nhằm đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng ở trong các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp, ở các địa bàn khu dân cư chưa có tổ chức đảng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhận thấy nhiều ngành dọc Trung ương đề nghị đưa các tổ chức đảng thuộc ngành mình hiện đang trực thuộc cấp uỷ cấp huyện chuyển về trực thuộc ngành dọc ở cấp tỉnh và Trung ương; do đó tạo ra sự thiếu thống nhất, sự xáo trộn nhất định trong hệ thống tổ chức bộ máy đảng ở cấp huyện, ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ cấp huyện nhất là đối với các ngành thuế, kho bạc có liên quan đến thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Việc thực hiện các mô hình tổ chức đảng như thành lập chi bộ quân sự ở xã, phường, thị trấn.

4.2.4. Các nội dung và việc thực hiện Quy chế bầu cử trong Đảng

Cấp uỷ các cấp đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung của Quy chế bầu cử trong Đảng⁽²³⁾ đề ra. Quy chế đã quy định rõ về nguyên tắc bầu cử, hình thức bầu cử, nhiệm vụ của các tổ chức liên quan; việc ứng cử, đề cử, bầu cử, quy định về số dư, trình tự, thủ tục, cách tính kết quả bầu cử,... đã giúp các tổ chức phụ trách bầu cử làm tốt nhiệm vụ được phân công, nhất là trong công tác điều hành bầu cử; việc ứng cử, đề cử, bầu cử được quy định rõ ràng, cụ thể nên thực hiện đảm bảo nguyên tắc dân chủ, bình đẳng, phát huy được tinh thần trách

²³ Nhiệm kỳ 2010 - 2015 thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng được ban hành kèm theo Quyết định số 220-QĐ/TW, ngày 17-4-2009 của Bộ Chính trị khoá X ; nhiệm kỳ 2015-2020 thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng được ban hành kèm theo Quyết định số 244-QĐ/TW, ngày 17-4-2009 của Bộ Chính trị khoá XI.

nhiệm và tính tiên phong gương mẫu của đảng viên; danh sách bầu cử, phiếu ứng cử được chuẩn bị chu đáo; công tác bầu cử diễn ra đúng trình tự, thủ tục, công khai, minh bạch; việc chuẩn y kết quả bầu cử đảm bảo về thời gian.

4.2.5. Số lượng, chất lượng, cơ cấu cấp ủy viên các cấp

Căn cứ Chỉ thị 36-CT/TW của Bộ Chính trị “về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng”, Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ Chính trị “về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”, việc quy định số lượng, chất lượng và cơ cấu cấp ủy viên các cấp hiện nay là khá phù hợp, đảm bảo sự lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp.

Đối với Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, kết quả Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015 - 2020, ở cấp tỉnh: đã bầu 52 đồng chí vào Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X; cấp huyện và tương đương là 578 đồng chí; cấp cơ sở là 4.875 đồng chí, trong đó cấp ủy cơ sở xã, phường, thị trấn bình quân là 11 đồng chí. Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025, ở cấp tỉnh: đã bầu 52 đồng chí vào Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI; cấp huyện và tương đương là 493 đồng chí; cấp cơ sở là 4.528 đồng chí, trong đó cấp ủy cơ sở xã, phường, thị trấn bình quân là 11 đồng chí. Số lượng cấp ủy của các địa phương, cơ quan, đơn vị, trên cơ sở quy định chung của Trung ương, đã căn cứ vào nhiệm vụ chính trị, vị trí, đặc điểm, đơn vị trực thuộc và số lượng đảng viên của đảng bộ.

Tuy nhiên, số lượng cấp ủy viên, ban thường vụ cấp ủy bầu khuyết còn nhiều; một số nơi mặc dù cấp ủy đương nhiệm chuẩn bị danh sách nhân sự giới thiệu tham gia cấp ủy đảm bảo tỷ lệ nữ, nhưng khi biểu quyết, khi bầu thì tỷ lệ nữ tham gia ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy cơ sở và cấp ủy huyện còn ít.

4.2.6. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc

Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy, các huyện, thành ủy (tương đương) được thực hiện theo Quy định số 219-QĐ/TW, Quy định số 220-QĐ/TW, Quy định số 294-QĐ/TW, Quy định số 46-QĐ/TW và Quy định số 04-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, gồm ban tổ chức, ban tuyên giáo, ban dân vận, cơ quan ủy ban kiểm tra và văn phòng cấp ủy (*ban nội chính đối với cấp tỉnh*). Tổ chức bộ máy và biên chế thực hiện đảm bảo theo quy định của Trung ương và phân bổ biên chế của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nhìn chung các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp ủy cấp huyện đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Đặc biệt sau khi Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ cơ quan tham mưu, giúp việc của từng loại hình tổ chức đảng đã giúp cho các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy xác định rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cũng như mối quan hệ công tác với cấp ủy cấp huyện, ban

thường vụ, thường trực cấp ủy cấp huyện, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan khác.

Tuy nhiên, hoạt động của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp ủy cấp huyện gặp không ít khó khăn do nhiều cán bộ, công chức không được đào tạo chuyên sâu về chuyên ngành xây dựng Đảng; biên chế không được đảm bảo theo khung quy định của Trung ương, hay biến động và không được bổ sung kịp thời; một số đơn vị cán bộ thực hiện kiêm nhiệm, do vậy công tác tham mưu, giúp việc, hướng dẫn và tổ chức thực hiện có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

4.3. Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở địa phương

4.3.1. Về đại hội đảng bộ (thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục của đại hội...).

Đại hội Đảng từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh đã thể hiện là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng và là sự kiện chính trị có ý nghĩa trọng đại đối với địa phương, cơ quan, đơn vị; có tác động mạnh mẽ đến ý thức, tinh thần, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân đối với vai trò lãnh đạo của Đảng, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Trong đó quy định về thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục của đại hội... rõ ràng và cụ thể.

Về các nội dung của đại hội đảng cấp cơ sở: Thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW, đại hội đảng cấp cơ sở cũng như các cấp đã thực hiện nghiêm túc đầy đủ 4 nội dung đề ra: (1) Tổng kết thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2010 - 2015 và xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của đảng bộ nhiệm kỳ 2015 – 2020, 2020 - 2025. (2) Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, XIII của Đảng và dự thảo văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp; đóng góp ý kiến về tiêu chuẩn, cơ cấu cấp ủy cấp trên trực tiếp theo hướng dẫn của Trung ương và cấp ủy cấp trên. (3) Bầu ban chấp hành đảng bộ nhiệm kỳ 2015 – 2020, 2020 - 2025. (4) Bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

4.3.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực cấp ủy, bí thư cấp ủy; chế độ sinh hoạt của từng tổ chức

Nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực cấp ủy, bí thư cấp ủy các cấp đã được cụ thể hóa bằng quy chế làm việc, trong đó cấp xã và cấp tỉnh đã có quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy. Vì vậy, việc phân công, phân nhiệm và trách nhiệm rõ ràng trong từng cấp; các tổ chức đã sinh hoạt theo quy định và quy chế, trong đó đã thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, các vấn đề thuộc thẩm quyền của cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy đều được đưa ra bàn bạc kỹ lưỡng, có biểu quyết của tập thể.

Tuy nhiên, nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực cấp ủy, bí thư cấp ủy cấp huyện chưa có quy định nên quy chế làm việc của cấp ủy và các văn bản ban hành chưa chặt chẽ, thống nhất, nhất là việc phân định thẩm quyền của cấp ủy, ban thường vụ, thường trực, bí thư cấp ủy; trong quy chế xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cấp ủy, ban thường vụ, thường trực, người đứng đầu cấp ủy chỉ ở mức tương đối; còn trùng lặp, chồng chéo, khó xác định.

4.3.3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy đã được quy định rõ ràng, cụ thể hơn nên các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy đã phát huy tính chủ động, sáng tạo và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, việc thay đổi, điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy khi sáp nhập theo Nghị quyết 18 và 19 của Trung ương chưa kịp thời nên việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy còn lúng túng.

4.4. Về tổ chức cơ sở đảng

4.4.1. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng; về các loại hình tổ chức cơ sở đảng

Toàn tỉnh hiện có 714 tổ chức cơ sở đảng⁽²⁴⁾; có 02 mô hình tổ chức đảng theo Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương⁽²⁵⁾ (*Mô hình chi bộ quân sự trực thuộc đảng ủy xã, phường, thị trấn: có 170/170 xã, phường, thị trấn thành lập; mô hình đảng bộ cơ sở ở cơ quan đảng, chính quyền, mặt trận cấp huyện: có 11/11 huyện, thành phố đã thực hiện*). Đến nay, chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ công tác của các tổ chức cơ sở đảng đã được Ban Bí thư quy định rõ ràng, cụ thể, dễ thực hiện. Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp ủy cấp huyện thường xuyên làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức Đảng theo các quy định của Trung ương. Các tổ chức cơ sở đảng đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, thực sự là hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, đảng viên, địa phương, cơ quan đơn vị chấp hành và thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà

²⁴ gồm 359 đảng bộ cơ sở, 355 chi bộ cơ sở, trong đó: xã, phường, thị trấn: 170, cơ quan hành chính: 200; đơn vị sự nghiệp: 102; quân đội: 17, công an: 40...

²⁵ Hướng dẫn số 35-HD/BTCTW ngày 15/10/2009 “về tổ chức và hoạt động của chi bộ quân sự xã, phường, thị trấn”; Hướng dẫn số 38-HD/BTCTW ngày 09/03/2010 “về xây dựng và hoàn thiện mô hình tổ chức của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng”.

nước, xây dựng Đảng, chính quyền, cơ quan đơn vị và các đoàn thể nhân dân ngày càng vững mạnh.

Tuy nhiên, trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo của các cấp ủy còn những hạn chế, bất cập nhất là ở trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp mà thủ trưởng, chủ doanh nghiệp không phải là đảng viên. Việc ban hành nghị quyết lãnh đạo của các đảng bộ cơ sở loại hình cơ quan chính quyền khó khăn, khó sát với thực tế vì nhiệm vụ chuyên môn của các đơn vị rất khác nhau. Các chức danh trong thường trực đảng ủy cơ quan chính quyền đều thực hiện kiêm nhiệm, không có cán bộ chuyên trách làm nghiệp vụ công tác đảng (văn phòng đảng ủy). Việc thực hiện mô hình chi bộ quân sự xã, phường, thị trấn còn chông chéo, bất cập trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

4.4.2. Về số lượng đảng viên để thành lập đảng bộ, chi bộ:

Điều lệ Đảng hiện hành đã quy định cụ thể và phù hợp về số lượng đảng viên để thành lập đảng bộ, chi bộ.

4.4.3. Về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ bộ phận:

Theo Quy định 24-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương có nêu “Đảng ủy bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở... có nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đảng ủy cơ sở ở các chi bộ, thẩm định nghị quyết của chi bộ về kết nạp đảng viên, về thi hành kỷ luật, khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên đề đề đạt ý kiến với đảng ủy cơ sở. Đảng ủy bộ phận không quyết định các vấn đề về tổ chức, cán bộ, không có con dấu”. Hiện nay một số chi bộ trực thuộc đảng ủy xã, phường, thị trấn có đông đảng viên nên đã lập đảng bộ bộ phận⁽²⁶⁾, tuy nhiên qua thực hiện vì chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ phụ cấp không được quy định rõ ràng, được xem là cơ quan trung gian nên trong lãnh đạo, chỉ đạo của đảng ủy bộ phận còn lúng túng, gặp nhiều khó khăn.

4.4.4. Các vấn đề về chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở

Bám sát Điều lệ Đảng và quy định, hướng dẫn của Trung ương, các vấn đề về chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở như về chức năng, nhiệm vụ; củng cố nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của chi bộ và đảng viên; phụ cấp cho bí thư chi bộ được Ban Thường vụ Tỉnh ủy quan tâm. Chỉ đạo các huyện ủy (tương đương) tăng cường công tác xây dựng tổ chức đảng ấp, khu phố có cấp ủy; kiện toàn đối với các chi bộ chia tách, sáp nhập; đề xuất để Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết để thực hiện phụ cấp đối với bí thư chi bộ cũng như các chức danh khác ở ấp, khu phố...

Tuy nhiên, mặc dù được xem là tế bào của Đảng nhưng hiện nay chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở chưa được quan tâm đúng mức về cơ chế, chính sách nên trong việc triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về tận cơ quan, đơn vị, ấp, khu phố còn gặp khó khăn.

²⁶ Đến tháng 6/2023, toàn tỉnh có 31 đảng bộ bộ phận.

4.4.5. Về sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đảng bộ

Việc quy định sinh hoạt định kỳ của chi bộ, đảng bộ là phù hợp. Nhìn chung, các chi bộ, đảng bộ thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt đảng theo Điều lệ Đảng, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Chỉ thị của Bộ Chính trị, Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, các văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy⁽²⁷⁾ và các hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy⁽²⁸⁾. Số lượng, thời lượng sinh hoạt cơ bản đạt yêu cầu đề ra; trình tự, nội dung sinh hoạt bám sát quy định và hướng dẫn của Trung ương, trong đó gắn sinh hoạt với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị và việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI, XII, XIII về tăng cường chỉnh đốn, xây dựng Đảng. Trong sinh hoạt thực hiện tốt nguyên tắc về tổ chức và sinh hoạt đảng, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu và được đổi mới theo hướng sinh hoạt chuyên đề; dân chủ luôn được mở rộng và phát huy, đề cao tinh thần ý thức tổ chức, kỷ luật tự phê bình và phê bình; nhiều chi, đảng bộ định kỳ đã ra được nghị quyết chuyên đề về tập trung phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh và xây dựng Đảng.

Tuy nhiên, chất lượng sinh hoạt ở một số ít chi bộ vẫn chưa cao, chỉ tập trung vào phổ biến, kiểm điểm tình hình hàng tháng, nặng về đánh giá công tác chuyên môn. Việc yêu cầu đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ định kỳ theo tiêu chí đối với chi bộ ấp, khu phố khó thực hiện, do đa phần đồng chí bí thư, cấp ủy lớn tuổi, điều kiện cơ sở vật chất chưa đảm bảo.

4.4.6. Về xây dựng và thực hiện quy chế làm việc

Sau đại hội các cấp ủy đều xây dựng quy chế làm việc. Nội dung quy chế làm việc quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn, mối quan hệ công tác của ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực và cá nhân ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, các phó bí thư. Trong lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đều thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, sâu sát cơ sở, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, phát huy trách nhiệm của từng cá nhân, gương mẫu, đoàn kết, thống nhất; chú trọng công tác tổng kết rút kinh nghiệm từ thực tiễn.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện quy chế làm việc, vẫn còn một số nội dung chưa thực hiện đầy đủ (*như một số cuộc họp, hội nghị định kỳ chưa*

²⁷ Quy Định số 25-QĐi/TU ngày 13/02/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành tiêu chí đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ định kỳ hằng tháng.

²⁸ Hướng dẫn số 29-HD/BTCTU, Hướng dẫn số 30-HD/BTCTU, Hướng dẫn số 31-HD/BTCTU, Hướng dẫn số 32-HD/BTCTU, Hướng dẫn số 33-HD/BTCTU, Hướng dẫn số 34-HD/BTCTU, Hướng dẫn số 37-HD/BTCTU ngày 01/8/2012 về một số nội dung sinh hoạt chi bộ và các Hướng dẫn số 15-HD/BTCTU, Hướng dẫn số 16-HD/BTCTU, Hướng dẫn số 17-HD/BTCTU, Hướng dẫn số 18-HD/BTCTU, Hướng dẫn số 19-HD/BTCTU, Hướng dẫn số 20-HD/BTCTU, Hướng dẫn số 21-HD/BTCTU ngày 14/12/2018 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về một số vấn đề về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

tổ chức đúng thời điểm theo quy chế làm việc). Việc chuẩn bị một số chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết của Đảng có lúc còn chậm.

4.5. Về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội, Công an và cơ chế lãnh đạo của cấp ủy địa phương đối với Quân đội, Công an đang phát huy tốt, bảo đảm cơ chế Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với lực lượng vũ trang; hệ thống tổ chức đảng trong lực lượng vũ trang cơ bản phù hợp.

Tuy nhiên, theo quy định “*Tổ chức đảng quân sự địa phương ở cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương cấp đó về mọi mặt đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy quân sự cấp trên...*”, “*Tổ chức đảng công an nhân dân địa phương cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy cấp đó, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy công an cấp trên...*”; nhưng trong thực tiễn có một số quy định của cấp ủy địa phương và của cấp ủy quân sự, công an cấp trên còn chông chéo, chưa thống nhất dẫn đến khó khăn trong triển khai, thực hiện; đối với ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên cơ sở hầu hết là kiêm nhiệm (chỉ có 01 đồng chuyên trách), cấp cơ sở kiêm nhiệm hoàn toàn, nên nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát có lúc, có việc chưa chuyên sâu, khó đáp ứng được yêu cầu công tác kiểm tra, giám sát ngày càng cao như hiện nay; tổ chức đảng quân sự địa phương ở cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương cấp đó về mọi mặt, nhưng tài chính đảng cho hoạt động công tác đảng do ngành dọc cấp trên cấp, được phân theo kinh phí nghiệp vụ ngành chức năng của Quân đội, do đó khó khăn trong theo dõi và có lúc chi không đủ cho hoạt động công tác đảng.

4.6. Về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; công tác kỷ luật đảng

4.6.1. Về kiểm tra, giám sát của cấp ủy

Các cấp ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng; triển khai quán triệt đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình về công tác kiểm tra, giám sát; ban hành các văn bản theo thẩm quyền để các tổ chức đảng thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; ban hành và chỉ đạo thực hiện các quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các cơ quan tham mưu giúp việc của cấp ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn và các cơ quan có liên quan; xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, xác định rõ nội dung, đối tượng, kiểm tra, giám sát theo phương châm “*giám sát phải mở rộng*”, “*kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm*”.

Hàng năm Ban Thường vụ Tỉnh ủy đều xây dựng kế hoạch tự kiểm tra và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng đối với 16/16 cấp ủy trực thuộc tỉnh (02 đợt: 6 tháng đầu năm và năm). Đồng thời, trong thời gian

từ đầu năm 2011 đến nay đã kiểm tra chuyên đề 176 tổ chức đảng và 58 đồng chí là Tỉnh ủy viên và cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý, chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc và đảng bộ cơ sở kiểm tra 12.103 tổ chức đảng và 127.012 lượt đảng viên; giám sát chuyên đề đối với 31 cấp ủy, tổ chức đảng và 73 đồng chí là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh và chỉ đạo cấp ủy các cấp trực thuộc giám sát 3.016 tổ chức đảng và 2.126 lượt đảng viên (có 672 cấp ủy viên cấp huyện và cơ sở) về chấp hành các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định của Trung ương, Tỉnh ủy; về khắc phục hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm thực hiện nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII); thực hiện quy chế làm việc; nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng.

4.6.2. Về kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra các cấp

Ủy ban kiểm tra các cấp chủ động tham mưu cấp ủy và thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo Điều lệ Đảng, trong đó có tham mưu cấp ủy kịp thời sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra, tham mưu ban hành các quy chế phối hợp với tổ chức đảng, đơn vị liên quan về công tác kiểm tra giám sát, thi hành kỷ luật đảng.

Từ năm 2011 đến nay, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy và ủy ban kiểm tra các cấp trong tỉnh đã chủ động thực hiện toàn diện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo Điều lệ Đảng quy định. Số lượng các cuộc kiểm tra, giám sát năm sau tăng hơn năm trước, trong đó: kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 61 tổ chức đảng và 579 đảng viên (có 211 cấp ủy viên); kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng đối với 6.121 tổ chức đảng cấp dưới; kiểm tra tài chính đảng đối với 836 tổ chức đảng và kiểm tra việc thu, nộp, quản lý sử dụng đảng phí đối với 8.719 tổ chức đảng; giám sát chuyên đề đối với 3.214 tổ chức đảng và 3.451 đảng viên (1.679 cấp ủy viên), tập trung kiểm tra, giám sát các nội dung về chấp hành Điều lệ Đảng, quy chế làm việc, nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, quy định những điều đảng viên không được làm, chấp hành các quy định về công tác cán bộ, việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao; việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của đảng viên trong công tác chuyên môn... Qua kiểm tra, giám sát đã chỉ ra các ưu điểm để tiếp tục phát huy, thực hiện; đồng thời cũng chỉ ra những thiếu sót, khuyết điểm để kịp thời khắc phục sửa chữa và nghiêm túc kiểm điểm, xem xét thi hành kỷ luật đối với những tổ chức đảng và đảng viên có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật.

4.6.3. Về bộ máy Ủy ban kiểm tra các cấp

Bộ máy ủy ban kiểm tra các cấp được thực hiện đảm bảo theo quy định, hướng dẫn của Đảng về số lượng biên chế về tiêu chuẩn, cơ cấu. Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo củng cố tổ chức bộ

máy ủy ban kiểm tra và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp, quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo ủy ban kiểm tra cấp mình, củng cố, kiện toàn bộ máy ủy ban kiểm tra và đội ngũ cán bộ kiểm tra. Tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra tỉnh, 16 ủy ban Kiểm tra cấp ủy trực thuộc tỉnh và ủy ban kiểm tra các cấp ủy cơ sở cơ bản ổn định. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác luân chuyển, điều động, kiện toàn nhân sự cơ quan ủy ban kiểm tra được quan tâm ở cả cấp tỉnh và huyện.

4.6.4. Việc thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu

Các cơ quan tham mưu giúp việc của cấp ủy chủ động phối hợp với ủy ban kiểm tra cùng cấp tham mưu, giúp cấp ủy xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hằng năm thuộc lĩnh vực phụ trách; đồng thời tham gia các cuộc kiểm tra của cấp ủy hoặc chủ trì kiểm tra khi được cấp ủy giao; giúp cấp ủy theo dõi, đôn đốc tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và giúp cấp ủy kết luận các nội dung kiểm tra thuộc lĩnh vực được giao.

4.6.5. Về thẩm quyền thi hành kỷ luật, việc thực hiện phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng

Từ năm 2011 đến nay, cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật đối với 61 tổ chức đảng và 4.418 đảng viên (có 1.099 cấp ủy viên). Cấp ủy, ủy ban kiểm tra từ cấp huyện đã giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với 92 trường hợp. Kết quả: Giữ nguyên hình thức kỷ luật 46 trường hợp; thay đổi hình thức kỷ luật 11 trường hợp.

Thời gian qua, việc tăng cường kỷ luật của Đảng được các cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện thường xuyên, bảo đảm tính giáo dục, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm để các tổ chức đảng và đảng viên nghiêm túc, tự giác chấp hành kỷ luật của Đảng và kiên quyết xử lý nghiêm những trường hợp đảng viên, tổ chức đảng vi phạm đúng thẩm quyền theo Điều lệ Đảng quy định, bảo đảm giữ gìn kỷ cương, kỷ luật trong Đảng bộ.

4.6.6. Về các quy định, hướng dẫn quy trình kỷ luật đảng

Sau mỗi kỳ đại hội, Trung ương đã sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định, hướng dẫn về quy trình kỷ luật đảng²⁹. Các quy định, hướng dẫn trên đã được cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp triển khai, quán triệt thực hiện

²⁹ (Quy định số 102-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 04-HD/UBKTTW của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm; Quy định số 07-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 06-HD/UBKTTW của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm); Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, Hướng dẫn số 05-HD/UBKTTW ngày 22/11/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về thực hiện một số điều trong Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

ng nghiêm túc, coi đó là cơ sở, căn cứ để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong Đảng khi xem xét, xử lý tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

4.6.7. Về thực hiện các quy định về đình chỉ sinh hoạt đảng và sinh hoạt cấp ủy

Việc thực hiện đình chỉ sinh hoạt đảng, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy được thực hiện kịp thời, đảm bảo đúng quy định của Đảng.

Tuy nhiên, việc thi hành kỷ luật đã được thực hiện nghiêm theo phương hướng, quy trình quy định của Điều lệ Đảng nhưng có một số trường hợp tổ chức đảng có thẩm quyền trong xem xét, kết luận vi phạm chưa thật sự khách quan, còn có trường hợp chưa bảo đảm phương châm, nguyên tắc, thủ tục thi hành kỷ luật trong Đảng; vẫn còn trường hợp đảng viên bị thi hành kỷ luật về mặt Đảng, nhưng không kịp thời chỉ đạo xem xét, kỷ luật về chính quyền, đoàn thể và ngược lại.

4.7. Về công tác khen thưởng trong Đảng

Công tác khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên đã được cấp ủy Đảng các cấp quan tâm. Căn cứ Điều 34 Điều lệ Đảng, Quy định số 24-QĐ/TW, Hướng dẫn số 01-HD/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Hướng dẫn số 56-HD/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng về “*mức chi tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng đối với tổ chức đảng, đảng viên*”, công tác khen thưởng được thực hiện đúng thẩm quyền, kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ nên đã động viên được tổ chức đảng và đảng viên phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Tuy nhiên, việc khen thưởng, mức chi khen thưởng đối với các ban đảng, văn phòng cấp ủy và các đơn vị sự nghiệp của Tỉnh ủy chưa có hướng dẫn thực hiện.

4.7.1. Về các hình thức khen thưởng trong Đảng

Hiện nay việc quy định về hình thức, thẩm quyền, đối tượng khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên là phù hợp, rõ ràng, trong đó việc bổ sung thêm hình thức khen thưởng Huy hiệu Đảng 45 năm được cấp ủy các cấp và nhất là đảng viên đồng tình ủng hộ, thể hiện sự quan tâm, ghi nhận của Đảng đối với những cống hiến của đảng viên trong sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Tuy nhiên, về tiêu chuẩn, thủ tục, thẩm quyền khen thưởng mặc dù có hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương nhưng trong quá trình thực hiện nảy sinh một số vấn đề mà chưa được hướng dẫn cụ thể đó là:

- Về tặng Huy hiệu Đảng: việc tặng Huy hiệu Đảng trước thời hạn đối với những đảng viên đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định nhưng trong quá trình thực hiện quy trình xét tặng thì qua đời (*theo quy định, đảng viên bị bệnh nặng được xét tặng Huy hiệu Đảng sớm nhưng thời gian xét tặng sớm không được quá 12 tháng so với thời gian quy định*).

- Về khen thưởng đối với tổ chức đảng, đảng viên: theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, tổ chức đảng đạt trong sạch vững mạnh tiêu biểu 5 năm liền, đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 5 năm liền được ban thường vụ huyện ủy (và tương đương) và ban thường vụ Tỉnh ủy khen, trong đó cấp huyện tặng giấy khen, cấp tỉnh tặng bằng khen. Tuy nhiên, tiêu chuẩn để cấp huyện và cấp tỉnh tặng bằng khen, giấy khen chưa rõ ràng, khó xác định vì mỗi tổ chức đảng và đảng viên thực hiện nhiệm vụ khác nhau nên việc khen thưởng chưa thực sự chính xác, khách quan.

4.7.2. Về giá trị tặng phẩm kèm theo các hình thức khen thưởng

Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp đã quan tâm và thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên theo quy định và hướng dẫn của Trung ương. Tuy nhiên, qua thực hiện có một số bất cập, chưa hợp lý:

Chưa có sự phân định về mức tiền thưởng giữa đảng bộ cơ sở và chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở xã, phường, thị trấn có 300 đảng viên và chi bộ cơ sở có 10 đảng viên nếu đạt tiêu chuẩn trong năm thì mức tiền thưởng bằng nhau.

Hiện nay, kinh phí khen thưởng đối với đảng viên thực hiện theo Hướng dẫn số 56-HD/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng đối chiếu với mức chi tiền thưởng cho cá nhân theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ còn bất cập, cần điều chỉnh. Ví dụ mức tiền thưởng tặng giấy khen đối với đảng viên đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong năm là 0,3 lần mức tiền lương cơ sở nhưng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” là 1,0 lần mức lương cơ sở; hoặc đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 5 năm liền mức tiền thưởng là 1,5 lần mức lương cơ sở nhưng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” là 3,0 lần mức lương cơ sở .

4.8. Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

4.8.1. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội được thực hiện chủ yếu thông qua nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế... về công tác dân vận. Trong quá trình triển khai thực hiện, các cấp ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo việc sơ, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận.

Các cấp ủy đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đại hội hết nhiệm kỳ của Mặt trận, các đoàn thể theo đúng điều lệ quy định; xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đảm bảo số lượng, chất lượng, trong đó quan tâm phân bổ biên chế cán bộ giữa các cơ quan cho phù hợp với tình hình thực tiễn; chỉ đạo công tác phát triển đảng viên, đoàn viên, hội viên, xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, vùng đồng bào tôn giáo, dân tộc. Có kế hoạch luân chuyển, bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo chuyên môn; chú trọng đào tạo nâng cao trình độ lý

luận, năng lực thực tiễn và kỹ năng vận động nhân dân cho đội ngũ cán bộ Mặt trận, các đoàn thể.

Các cấp ủy đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp. Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh nghiên cứu, tạo điều kiện về cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, đồng thời có chế độ đãi ngộ, động viên tinh thần và vật chất đối với cán bộ Mặt trận, đoàn thể các cấp.

Các cấp ủy đảng lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tham mưu công tác dân vận; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất, tránh chồng chéo trong thực hiện công tác dân vận theo đúng chức năng, nhiệm vụ; phát huy tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội trong tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Hằng năm lựa chọn từ 01 đến 02 chương trình, dự án liên quan đến đời sống nhân dân để giám sát và phản biện; đồng thời tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Căn cứ quy chế làm việc của Tỉnh ủy, định kỳ hằng quý cấp ủy làm việc với Đảng đoàn Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn có sự tham dự của Ban cán sự đảng UBND tỉnh, các ban đảng Tỉnh ủy để chỉ đạo, định hướng công tác dân vận; tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức thực hiện công tác dân vận của các cơ quan nhà nước các cấp để thực hiện tốt cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

4.8.2. Về hoạt động, vai trò lãnh đạo của đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn

Việc xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn được thực hiện nghiêm túc ngay từ đầu nhiệm kỳ. Nhìn chung Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp triển khai thực hiện hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ chính trị được giao, đảm bảo thực hiện được chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương. Nổi bật trong việc đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động là các đoàn thể đã chủ động, chỉ đạo và tiến hành khảo sát toàn diện để đánh giá đúng thực trạng về chất lượng hoạt động của các tổ chức đoàn thể, thực lực đoàn viên, hội viên. Đến nay tỷ lệ tập hợp quần chúng vào tổ chức (sau khảo sát) đạt 70,9%; lực lượng đoàn viên, hội viên nòng cốt đạt 46,3%; công tác xây dựng tổ chức đoàn thể trong các doanh nghiệp đã đạt được những kết quả nhất định.

4.8.3. Công tác phát triển đảng viên mới từ nguồn đoàn viên thanh niên, đoàn viên công đoàn, nhất là trong công nhân

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp ngoài Nhà nước trên địa bàn tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh, trong đó chú trọng công tác phát triển đảng viên mới từ nguồn đoàn viên công đoàn.

Đối với Đoàn thanh niên: Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo định hướng cho công tác tổ chức, hoạt động đối với Đoàn Thanh niên, trong đó nổi bật là Kết luận số 55-KL/TU về đề án công tác lãnh đạo và quản lý thanh niên trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2014-2020, mục tiêu đề án tiếp tục đổi mới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước và sự phối hợp của cả hệ thống chính trị đối với công tác thanh niên trong tình hình mới. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tổ chức đối thoại với thanh niên năm 2018.

Thường xuyên chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc lãnh đạo, chỉ đạo đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chính trị; sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức, công tác quy hoạch, luân chuyển, sử dụng lực lượng đoàn thanh niên theo hướng thiết thực, hiệu quả. Chính quyền các cấp quan tâm giải quyết những kiến nghị của tổ chức Đoàn, nhu cầu chính đáng cho thanh niên và gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (từ ngày 01/8/2017 chi trợ cấp đối với Bí thư Chi đoàn ấp, khu phố là 300.000 đồng/người/tháng (theo Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức trợ cấp đối với trưởng các đoàn thể ở ấp (khu phố) và kinh phí hoạt động cho Tổ nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

Thông qua hoạt động từ 2011 đến tháng 6/2023, các đoàn thể đã giới thiệu và được cấp ủy đảng xem xét, kết nạp 50.759 đảng viên, trong đó Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là 31.257 đồng chí, công nhân trực tiếp sản xuất 5.383 đồng chí.

Tuy nhiên, việc bố trí, sắp xếp công việc cho cán bộ Đoàn hết tuổi theo quy định ở các cấp gặp khó khăn, nhất là trong giai đoạn tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy. Việc phát triển đảng viên mới từ nguồn thanh niên, nhất là ở khu vực nông thôn gặp rất nhiều khó khăn, do không có việc làm ổn định tại địa phương nơi sinh sống, nhiều thanh niên có trình độ THPT phải đi làm ăn xa, xuất khẩu lao động, số còn lại ở nhà đa phần chưa đảm bảo về điều kiện, tiêu chuẩn. Bên cạnh đó một bộ phận không nhỏ đảng viên thiếu gương mẫu trong sinh hoạt, phai nhạt lý tưởng phấn đấu, ảnh hưởng đến niềm tin của quần chúng vào Đảng.

4.9. Về tài chính Đảng

4.9.1. Nguồn thu từ đảng phí

Theo quy định của Bộ Chính trị tại Quyết định số 342-QĐ/TW ngày 28/12/2010 về chế độ đảng phí, nguồn đảng phí trích giữ lại các cấp ủy huyện, thị, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các tỉnh, thành ủy trực thuộc Trung ương

không tính vào định mức kinh phí chi thường xuyên mà được lập quỹ dự trữ của Đảng ở cấp đó. Quỹ dự trữ được dùng để bổ sung chi hoạt động của cấp ủy, hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức đảng trực thuộc có khó khăn. Cấp ủy quyết định việc chi tiêu từ quỹ dự trữ.

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành quyết định quy định về chế độ đảng phí, Thường trực Tỉnh ủy đã có Công văn số 516-CV/TU triển khai chế độ đảng phí đến các cấp ủy đảng trực thuộc. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy và các cấp ủy đã tổ chức các hội nghị tập huấn chế độ đảng phí và phần mềm đảng phí theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương cho Văn phòng các cấp ủy, các tổ chức đảng trực thuộc.

Ngày 04/01/2017 Ban Thường vụ Tỉnh ủy có Quyết định số 691-QĐ/TU ban hành quy chế quản lý, sử dụng nguồn kinh phí dự trữ của Tỉnh ủy; trong đó có quy định việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí dự trữ được hình thành từ nguồn đảng phí được trích giữ lại Tỉnh ủy. Các huyện, thị, thành ủy ban hành quy chế quản lý, sử dụng nguồn kinh phí dự trữ tại cấp mình theo quy định.

Công tác kiểm tra chế độ thu nộp đảng phí được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo thực hiện. Hàng năm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Văn phòng và Ủy ban Kiểm tra các cấp ủy trực thuộc đều xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện chế độ thu, nộp đảng phí đối với các cấp ủy cơ sở đảng. Qua kiểm tra, đã kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh những thiếu sót trong việc thực hiện chế độ đảng phí.

Nhìn chung, công tác thu, nộp đảng phí được thực hiện kịp thời; việc quản lý, sử dụng nguồn đảng phí được trích giữ lại đảm bảo chặt chẽ đúng quy định tại Quyết định số 342-QĐ/TW ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị và các văn bản hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng.

4.9.2. Nguồn thu từ kinh tế đảng (doanh nghiệp của Đảng và các đơn vị sự nghiệp của Đảng)

Đảng bộ tỉnh có 01 doanh nghiệp làm kinh tế đảng và 02 đơn vị sự nghiệp (Báo Đồng Nai, Nhà khách 71). Thực hiện chủ trương của Chính phủ về tái cơ cấu, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, ngày 15/01/2016 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có Quyết định số 108-QĐ/TU phê duyệt phương án cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa với số vốn điều lệ là 1.558 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của ngân sách Đảng là 50%. Ngày 17/5/2016 Tổng Công ty Tín Nghĩa đã chính thức chuyển sang hoạt động theo loại hình công ty cổ phần. Đến nay vốn điều lệ của Tổng Công ty Tín Nghĩa đã được điều chỉnh tăng lên 2.000 tỷ đồng; trong đó vốn góp của Tỉnh ủy là 48,06%, tương ứng 961,25 tỷ đồng.

Căn cứ quy định tại Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 02/4/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về sản xuất kinh doanh bổ sung ngân sách đảng, các quy định về cơ chế quản lý tài chính đảng do Trung ương quy định, tại Quy chế quản lý, sử dụng nguồn kinh phí dự trữ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có quy định nguồn kinh phí dự trữ của Tỉnh ủy hình thành từ thu hoạt động sản xuất kinh doanh và thu

khác gồm: thu điều tiết lợi nhuận sau thuế từ các đơn vị sự nghiệp của Đảng; thu cổ tức hàng năm từ Tổng Công ty Tín Nghĩa; thu bán, chuyển nhượng phần vốn của Đảng đầu tư tại doanh nghiệp; thu bán, chuyển nhượng tài sản được hình thành từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tỉnh ủy; thu lãi gửi tiết kiệm, lãi cho doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp vay vốn; các khoản thu hợp pháp khác.

Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí dự trữ được thực hiện đảm bảo chặt chẽ đúng chế độ theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Hàng năm Văn phòng Tỉnh ủy báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả quản lý, sử dụng nguồn kinh phí dự trữ của Tỉnh ủy theo quy định tại Quyết định số 691-QĐ/TU ngày 04/01/2017.

4.9.3. Công tác quản lý tài chính, tài sản của đảng

- Đảng bộ tỉnh Đồng Nai thực hiện phân cấp quản lý kinh phí ngân sách nhà nước cấp, phục vụ hoạt động của các cấp ủy, các cơ quan đảng Tỉnh ủy theo quy định của Luật Ngân sách; các huyện, thị, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện; các cơ quan đảng khối tỉnh là đơn vị dự toán cấp 3 trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy.

Hàng năm Văn phòng Tỉnh ủy, văn phòng các cấp ủy căn cứ chế độ, định mức chi tiêu do Đảng, Nhà nước quy định; nhiệm vụ năm kế hoạch và thực tế chi của năm trước lập dự toán thu, chi ngân sách, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ban thường vụ huyện ủy phê duyệt trước khi gửi cơ quan tài chính Nhà nước cùng cấp cân đối, cấp kinh phí.

Việc báo cáo, công khai tài chính được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Hàng năm ban thường vụ các cấp báo cáo ban chấp hành cấp ủy cùng cấp tình hình công tác quản lý, sử dụng tài chính của cấp mình; việc công khai dự toán, quyết toán hàng năm được các cấp ủy, các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc, đúng quy định theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng.

Công tác kiểm tra, phê duyệt quyết toán hàng năm được thực hiện nghiêm túc theo quy định của Ban Tài chính Quản trị Trung ương và Bộ Tài chính tại Thông tư liên tịch số 216/2004/TTLT-BTCQT-BTC ngày 29/3/2004 hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính đảng và Thông tư số 1539/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngoài ra, hàng năm các cấp ủy đã quan tâm chỉ đạo ủy ban kiểm tra các cấp xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra công tác quản lý tài chính đối với cấp ủy cùng cấp và cấp ủy cấp dưới theo quy định của Điều lệ Đảng.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, ngày 03/8/2018 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có Kết luận số 579-KL/TU phê duyệt Đề án Văn phòng phục vụ cấp ủy tỉnh và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; trong đó có lĩnh vực quản lý tài

chính của các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Đảng ủy khôi các cơ quan tỉnh, Đảng ủy khôi Doanh nghiệp tỉnh. Đồng thời ngày 27/9/2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có Quyết định số 1310-QĐ/TU ban hành Quy chế quản lý tài chính của các cơ quan đảng trực thuộc Tỉnh ủy.

Nhìn chung, công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước được các cấp ủy; lãnh đạo các đơn vị quan tâm theo dõi, chỉ đạo thực hiện đảm bảo chặt chẽ, đúng nguyên tắc, chế độ theo quy định của Đảng và Nhà nước từ khâu lập dự toán, phân bổ và giao dự toán đến khâu kiểm tra phê duyệt quyết toán.

Công tác quản lý tài sản luôn được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo thực hiện, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định. Trên cơ sở các quy định tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 10/8/2018 Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định số 1242-QĐ/TU quy định về phân cấp trong quản lý, sử dụng tài sản tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc Đảng bộ tỉnh.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngày 31/8/2018 Văn phòng Tỉnh ủy đã có Công văn số 06-HD/VPTU hướng dẫn các huyện, thị, thành ủy thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo phân cấp tại Nghị quyết số 112/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Công tác kiểm kê, báo cáo tài sản được các cấp ủy, các đơn vị thực hiện nghiêm theo quy định. Hàng năm, Văn phòng Tỉnh ủy hướng dẫn các cấp ủy, các cơ quan, đơn vị khôi đảng thực hiện kiểm kê tài sản tại đơn vị; tổng hợp báo cáo kiểm kê, báo cáo tài sản hàng năm gửi về Văn phòng Trung ương Đảng.

Tuy nhiên, việc hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính hàng năm tại một số đơn vị chưa kịp thời và nhiều sai sót; công tác kiểm tra phê duyệt quyết toán hàng năm của phòng tài chính cấp huyện còn chậm, ảnh hưởng đến việc tổng hợp báo cáo chung của toàn Đảng bộ tỉnh.

Mặc dù các cấp ủy đã quan tâm chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện chế độ đảng phí tại các cấp ủy đảng trực thuộc; tuy nhiên số lượng các tổ chức đảng được kiểm tra chưa nhiều; còn trường hợp năng lực, nghiệp vụ của cán bộ làm công tác đảng vụ tại các tổ chức cơ sở đảng chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ do thường xuyên thay đổi (*nhất là khối xã, phường, thị trấn*).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Việc tuyên truyền, học tập và quán triệt Điều lệ Đảng được thực hiện kịp thời và nghiêm túc; triển khai từ cấp tỉnh đến cấp chi bộ và đến từng đảng viên; đồng thời thông qua các cơ quan báo chí để đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong các tầng lớp Nhân dân. Qua đó, các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nắm vững những nội dung cơ bản, nâng cao nhận thức về thi

hành Điều lệ Đảng; bảo đảm thống nhất về nội dung, phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện từ tỉnh đến cơ sở.

Căn cứ Điều lệ Đảng và các văn bản cụ thể hoá Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy đã nghiên cứu, cụ thể hoá, ban hành đồng bộ nhiều quy định, quy chế, hướng dẫn, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực xây dựng Đảng trong phạm vi toàn tỉnh và phù hợp với các địa phương đơn vị, không trái với Điều lệ Đảng và các văn bản của cấp trên, từ đó phục vụ hiệu quả cho công tác xây dựng Đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ từng bước đi vào chiều sâu, chú trọng và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quán triệt, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và việc chấp hành Điều lệ Đảng; việc bảo đảm nguyên tắc lãnh đạo của Đảng mà trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ; việc giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống của đảng viên... đã góp phần phát hiện và khắc phục được những khuyết điểm, thiếu sót khi mới hình thành. Đồng thời, góp phần chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đổi mới phong cách, phương pháp làm việc, hoàn thiện phương thức lãnh đạo, thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

2. Hạn chế, khuyết điểm

Một số cấp ủy, nhất là cấp ủy cơ sở và một số đảng viên nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng của Điều lệ Đảng. Việc tuyên truyền, học tập và quán triệt Điều lệ Đảng ở một số địa phương, đơn vị còn chậm, phương pháp truyền đạt chậm đổi mới; báo cáo viên thiếu kiến thức, kinh nghiệm về xây dựng Đảng, dẫn tới lúng túng khi truyền đạt, nhất là việc giải đáp vướng mắc trong thực tiễn.

Việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quy định, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh ủy có địa phương, đơn vị còn chậm. Việc chấp hành Điều lệ Đảng, các văn bản hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng, có cấp ủy và một số đảng viên thực hiện chưa nghiêm nên dẫn đến vi phạm Điều lệ Đảng và các văn bản của Đảng, nhất là vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng, về quản lý tài chính, chính sách dân số, phẩm chất đạo đức, lối sống...

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng có nơi tiến hành chưa thường xuyên. Một số cấp ủy có nơi còn giao khoán cho ủy ban kiểm tra cấp ủy. Có nơi chưa phân công phối hợp nhiệm vụ cụ thể cho các ngành chức năng tham gia trong quá trình kiểm tra, giám sát. Hồ sơ kiểm tra, giám sát có lúc chưa đầy đủ thủ tục; trong quá trình kiểm tra, giám sát chưa sâu cho nên hiệu quả chưa cao; công tác hậu kiểm tra, giám sát chưa thực hiện kịp thời và thường xuyên.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

Những diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình thế giới, các thế lực thù địch không ngừng chống phá nhằm gây mất ổn định chính trị, kinh tế, xã hội nước ta, trong đó có tỉnh Đồng Nai; sử dụng mọi phương tiện xuyên tạc, chia rẽ nhằm làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, chia rẽ nội bộ Đảng nhằm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, phủ nhận thành tựu công cuộc đổi mới đất nước và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và công cuộc xây dựng và đổi mới tỉnh Đồng Nai. Việc hội nhập và hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng, toàn diện không những ở tầm quốc gia mà còn diễn ra ở cấp tỉnh, vì vậy bên cạnh những thời cơ và kết quả đạt được, chúng ta cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ sự tác động mặt trái của quá trình này, trong khi đó việc bồi dưỡng, rèn luyện để nâng cao tinh thần cảnh giác cho cán bộ, đảng viên trước những tác động xấu còn hạn chế và thiếu tính chiến lược.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa quan trọng của việc tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt Điều lệ Đảng, chưa đầu tư đúng mức về thời gian, công sức cho công tác này; việc chủ động và tự giác nghiên cứu, học tập Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương của tỉnh về thi hành Điều lệ Đảng của một số cấp uỷ viên, đảng viên còn hạn chế, trong đó có một số chưa nắm chắc nguyên tắc, nội dung quy định, hướng dẫn, dẫn đến việc thực hiện thiếu thống nhất hoặc thực hiện không đúng Điều lệ Đảng nên bị cấp trên phê bình hoặc thực hiện kỷ luật Đảng.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống theo tiêu chuẩn của người đảng viên ở một số tổ chức đảng chưa được coi trọng. Ý thức gương mẫu, nêu gương của cấp trên, của cấp uỷ viên trước cán bộ, đảng viên và đảng viên trước quần chúng Nhân dân còn hạn chế.

- Công tác kiểm tra, giám sát của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp trên đối với cấp dưới, việc giữ gìn kỷ luật, kỷ cương ở một số tổ chức đảng và đảng viên chưa thường xuyên; việc xử lý một số trường hợp vi phạm còn nể nang, thiếu kiên quyết.

- Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ theo quy định của Điều lệ Đảng ở một số tổ chức đảng còn mang tính hình thức hoặc thực hiện chưa phù hợp, chưa nghiêm do thiếu quy định cụ thể, chưa xác định rõ cơ chế trách nhiệm, mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Điều lệ Đảng là văn bản pháp lý cơ bản của Đảng vì vậy cấp uỷ các cấp phải nhận thức sâu sắc, đầy đủ về ý nghĩa và tầm quan trọng của Điều lệ Đảng; chú trọng công tác tuyên truyền, học tập, quán triệt để mỗi cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên chấp hành và thực hiện nghiêm túc các quy định đã đề ra, cùng với đó là trách nhiệm bảo vệ Điều lệ Đảng của mỗi cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên.

2. Để các nội dung của Điều lệ Đảng được triển khai, tổ chức thực hiện đạt kết quả cao nhất cần phải được cụ thể hóa thành các văn bản quy định, hướng dẫn, sát với yêu cầu, nhiệm vụ và dễ vận dụng vào thực tiễn.

3. Các văn bản của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phải có tính liên thông đồng bộ, lấy Điều lệ Đảng làm cơ sở để xây dựng các văn bản của Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể để tránh sự bất cập chông chéo trong triển khai thực hiện.

4. Thường xuyên chú trọng công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Đảng của cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm Điều lệ Đảng và các quy định thi hành Điều lệ Đảng, đồng thời khen thưởng, biểu dương những tập thể, cá nhân có thành tích trong thi hành Điều lệ Đảng.

5. Thường xuyên sơ kết, tổng kết các quy định, hướng dẫn của Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng để trên cơ sở đó tìm ra những điểm bất cập, chưa phù hợp để điều chỉnh, bổ sung.

V. MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG TÂM NGHIÊN CỨU BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Qua thi hành Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai kiến nghị, đề xuất một số nội dung sau:

- Tại Điểm 3, Điều 3 về quyền của đảng viên quy định: *“Phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời”*. Hiện nay qua thực tế đảng viên gửi đơn thư phản ánh, kiến nghị thường gửi nhiều nơi, nhiều cấp chưa đúng theo quy định trên, đề nghị cần rà soát, điều chỉnh nội dung trên cho sát với tình hình thực tế.

- Tại Điều 7 quy định: *“Đảng viên tuổi cao, sức yếu, tự nguyện, xin giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng do chi bộ xem xét, quyết định”*. Đề nghị cần hướng dẫn cụ thể việc cho giảm sinh hoạt đảng (*có thể vắng sinh hoạt nhiều lần trong năm nếu có báo cáo và lý do chính đáng*) vì qua thực tế có một số đảng viên do hoàn cảnh làm ăn xa hoặc đảng viên có sức khỏe không ổn định.

- Đề nghị có hướng dẫn cụ thể về đảng viên vi phạm tư cách và việc xóa tên đối với đảng viên vi phạm tư cách 02 năm liền.

- Tại điểm 6, Điều 22, Chương V quy định: *“Đảng bộ cơ sở họp thường lệ mỗi năm 02 lần; họp bất thường khi cần...”* Đề nghị bỏ quy định trên vì thực tế hiện nay nhiều đảng bộ cơ sở có quá đông đảng viên (từ 100 trở lên), không có điều kiện họp toàn thể, đồng thời qua theo dõi chất lượng các cuộc họp này thường không cao.

- Tại điểm 3, Điều 24, Chương V quy định: *“Đại hội chi bộ do chi ủy triệu tập năm năm hai lần; nơi chưa có chi ủy thì do bí thư chi bộ triệu tập...”*. Đề

ngộ điều chỉnh đại hội chi bộ trực thuộc là 05 năm gắn với nhiệm kỳ đảng bộ cơ sở.

- Về thủ tục giải quyết những trường hợp kết nạp người vào Đảng hoặc công nhận đảng viên chính thức sai quy định: đề nghị hướng dẫn thủ tục giải quyết đối với trường hợp sai quy định do tổ chức và sai quy định do người xin vào Đảng (đảng viên dự bị), vì thực tế trường hợp kết nạp vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức sai quy định thì đa số là do tổ chức, nhưng theo Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 28/9/2021 của Ban Bí thư và Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW ngày 18/01/2022 của Ban Tổ chức Trung ương thì đảng viên phải chịu thiệt thòi (ví dụ: đối với trường hợp quần chúng A sinh con thứ ba (vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, không đảm bảo tiêu chuẩn và nhiệm vụ đảng viên theo quy định tại Điều 1, Điều lệ Đảng), quần chúng A có khai báo đầy đủ, trung thực trong hồ sơ kết nạp đảng, nhưng do tổ chức đảng trong quá trình xem xét hồ sơ kết nạp đảng không rà soát kỹ các quy định hiện hành nên đã quyết định kết nạp quần chúng A vào Đảng, sau khi được đứng vào hàng ngũ của Đảng, đồng chí A luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, đến khi thực hiện quy trình công tác cán bộ đối với đồng chí A, cấp ủy cấp trên phát hiện việc kết nạp quần chúng A vào Đảng là sai quy định (không đảm bảo về tiêu chuẩn, điều kiện) nên đề nghị cấp ủy có thẩm quyền hủy bỏ quyết định kết nạp đảng đối với quần chúng A và xem xét xử lý trách nhiệm các tổ chức, cá nhân có liên quan. Tuy nhiên, quần chúng A phải chịu thiệt thòi sau thời gian dài phấn đấu, cống hiến cho tổ chức).

- Tại Điểm 1, Điều 5, Điều lệ Đảng quy định “Người được kết nạp vào Đảng phải trải qua thời kỳ dự bị mười hai tháng, **tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp**”; Điểm 4, Điều 5, Điều lệ Đảng quy định “Đảng viên đã được công nhận chính thức thì tuổi đảng của đảng viên **tính từ ngày ghi trong quyết định kết nạp**” và tại Tiết a, Mục 4.5, Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định “Đảng viên được công nhận chính thức thì tuổi đảng của đảng viên được **tính từ ngày cấp có thẩm quyền ra quyết định kết nạp...**”. Đề nghị sửa đổi thống nhất 02 ngày trên để thuận lợi cho đảng viên và tổ chức đảng trong việc quản lý, hồ sơ đảng viên.

- Về việc khen thưởng tổ chức đảng “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 5 năm liền; đảng viên “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” 05 năm liền quy định tại Mục 19 của Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 28/9/2021 của Ban Bí thư về hướng dẫn một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng, kiến nghị Trung ương nghiên cứu, sửa đổi theo hướng chỉ để một cấp khen thưởng (Ban Thường vụ cấp huyện hoặc Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

- Về thủ tục chuyển giao tổ chức đảng và chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên ở những nơi thành lập mới, chia tách hoặc sáp nhập đề nghị điều chỉnh như sau:

+ Chuyển giao tổ chức đảng và đảng viên trong phạm vi lãnh đạo của đảng bộ cấp huyện và tương đương thì phân cấp cho ban thường vụ cấp huyện và tương đương trực tiếp thực hiện việc chuyển giao.

+ Chuyển giao tổ chức đảng và đảng viên ngoài phạm vi lãnh đạo của cấp ủy cấp huyện, nhưng trong phạm vi lãnh đạo của cấp tỉnh thì phân cấp cho ban thường vụ cấp ủy cấp huyện bên giao ra quyết định chuyển giao tổ chức đảng, đảng viên và ban thường vụ cấp ủy cấp huyện bên nhận ra quyết định tiếp nhận khi được sự đồng ý bằng văn bản của ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương.

- Quy định số 213-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú: “Đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang (gọi tắt là đảng viên đang công tác) vừa thực hiện quy định của Điều lệ Đảng về sinh hoạt đảng tại nơi làm việc, vừa có trách nhiệm thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú”. Theo quy định tại Điều 40 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nơi cư trú: “...là nơi người đó thường xuyên sinh sống”; tại Điều 11 Luật Cư trú 2020 cũng có quy định về nơi cư trú: “...bao gồm nơi thường trú, nơi tạm trú. Như vậy, nơi cư trú của công dân là nơi công dân đó thường xuyên sinh sống, có thể là nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú của công dân đó. Kiến nghị Trung ương nghiên cứu, hướng dẫn xác định nơi cư trú để tổ chức đảng và đảng viên thống nhất thực hiện đảm bảo đúng quy định.

- Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW ngày 18/01/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về nghiệp vụ công tác đảng viên chưa có các mẫu quyết định về chia tách, sáp nhập, thành lập tổ chức đảng. Kiến nghị Trung ương nghiên cứu, bổ sung các mẫu quyết định chia tách, sáp nhập, thành lập tổ chức đảng để thống nhất thực hiện đảm bảo theo quy định.

Trên đây là kết quả thi hành Điều lệ Đảng và đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai kính báo cáo Ban Tổ chức Trung ương.

Nơi nhận:

- Các đ/c TUV,
- Các cấp ủy trực thuộc tỉnh,
- Các BCS đảng, Đảng đoàn, Ban TV Tỉnh đoàn,
- Các ban đảng và Văn phòng Tỉnh ủy,
- CP.VPTU- N2,T, C3,
- Lưu VPTU.

Đồng kính gửi:

- Đồng chí Đào Công Nhanh: Phó vụ trưởng Vụ Địa phương III, Ban Tổ chức Trung ương.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Hồ Thanh Sơn